

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 31
Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Cháo óc heo, bí đỏ, hạt sen, nấm bào ngư, hành ngò
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá rô phi lê chiên mắm, hành lá
- Canh củ dền nấu tôm khô, nấm đùi gà
- Bông cải trắng luộc
Xế: Bánh Pudding trứng sữa
Xế chiều: Súp thịt gà, nấm đông cô tươi, khoai lang, bông cải xanh, trứng gà, bột năng

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	400	3,140	12,560
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,250	5,250
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,720	4,360
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	0	6,300	0
9	0185	Tỏi ta	0	7,460	0
10	0332	Ốc heo	300	48,333	144,999
11	0085	Bí đỏ (bí ngò)	200	3,990	7,980
12	0122	Hạt sen tươi	50	38,750	19,375
13	N0778	Nấm bào ngư	200	12,600	25,200
14	0397	Cá rô phi	1,500	21,210	318,150
15	N0795	Củ dền	800	5,250	42,000
16	0426	Tôm khô	50	79,870	39,935
17	0635	Nấm đùi gà	100	10,920	10,920
18	0181	Bông cải trắng (súp lơ)	0	8,090	0
19	0649	Bột năng	300	4,812.5	14,438
20	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	100	27,300	27,300
21	0031	Khoai lang	300	4,730	14,190

22	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	300	7,350	22,050
23	0451	Trứng gà công nghiệp	180	7,333.3	13,200
24	N0772	Thịt ức gà	400	12,920	51,680
25	0002	Gạo nếp (loại thường)	300	3,050	9,150
26	0457	Sữa bột toàn phần	750.35	20,500	153,822
27	0646	Bánh pudding	1,240	11,800	146,320
Tổng cộng					1,146,999

Tổng tiền thực phẩm	1,146,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,147,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	163
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	6,031,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	6,030,996

Phó Hiệu Trưởng

Cấp Dưỡng

Kế Toán



Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Lưu

Ngô Thị Ngọc Lan